

## CÔNG ƯỚC BERNE VỀ BẢO HỘ CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC VÀ NGHỆ THUẬT

ThS. VŨ THỊ PHƯƠNG LAN \*

Công ước bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật (the Berne Convention for the Protection of Literary and Artistic Works), đôi khi còn được gọi là Liên minh Berne hoặc Công ước Berne, là công ước quốc tế đa phương đầu tiên về bảo hộ quyền tác giả và là công ước quan trọng nhất trong hệ thống bảo hộ quốc tế quyền tác giả của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO). Công ước được kí tại Berne - thủ đô của Liên bang Thụy Sĩ ngày 9/9/1886.

Cùng với sự thay đổi của tình hình thực tiễn bảo hộ quyền tác giả trên thế giới, Công ước Berne đã được sửa đổi nhiều lần, tại Paris ngày 4/5/1896, tại Berlin ngày 13/11/1908, hoàn thiện tại Berne ngày 20/3/1914, sửa đổi tại Rome ngày 2/6/1928, tại Brussels ngày 26/6/1948, tại Stockholm ngày 14/7/1967, tại Paris ngày 24/7/1971 và được bổ sung ngày 2/10/1979. Đạo luật hiện hành là đạo luật Paris ngày 24/7/1971 được bổ sung vào ngày 2/10/1979. Công ước Berne là một công ước mở, theo đó mọi quốc gia đều có thể tham gia làm thành viên.

Về bố cục, Công ước gồm 38 điều và một phụ lục gồm 6 điều dành cho các nước đang phát triển.

Về nội dung, Công ước đặt ra 3 nguyên tắc cơ bản và một loạt các quy phạm nội dung xác định sự bảo hộ tối thiểu cũng như các quy định đặc biệt dành cho các nước

đang phát triển. Ba nguyên tắc cơ bản chi phối lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả trên phạm vi quốc tế bao gồm:

- Nguyên tắc đối xử quốc gia

Nội dung của nguyên tắc này là việc bảo hộ tác phẩm có nguồn gốc từ quốc gia thành viên của Công ước tương tự như sự bảo hộ tác phẩm của công dân chính quốc gia mình. Tác phẩm có nguồn gốc từ các quốc gia thành viên của Công ước là tác phẩm mà tác giả của tác phẩm đó là công dân của một nước thành viên hoặc tác phẩm được công bố tại một nước thành viên. Một tác phẩm có nguồn gốc trong Liên minh Berne khi sang nước khác trong Liên minh mà không phải là quốc gia gốc của mình sẽ được hưởng sự bảo hộ giống hệt như sự bảo hộ mà quốc gia thứ hai này dành cho tác phẩm của chính nước mình. Cụ thể hoá nguyên tắc này, khoản 1 Điều 5 Công ước quy định: "*Đối với những tác phẩm được Công ước này bảo hộ, các tác giả được hưởng quyền tác giả ở các nước Liên hiệp ngoại trừ quốc gia gốc của tác phẩm, những quyền lợi do luật quốc gia liên quan dành cho công dân nước đó trong hiện tại và trong tương lai cũng như những quyền lợi mà Công ước này đặc biệt quy định*".

\* Giảng viên Khoa luật quốc tế Trường Đại học Luật Hà Nội

- *Nguyên tắc bảo hộ tự động hay bảo hộ đương nhiên*

Theo nguyên tắc này, quyền tác giả phát sinh ngay khi tác phẩm được định hình dưới hình thức vật chất nhất định mà không phụ thuộc vào bất kì thủ tục hình thức nào như đăng kí, nộp lưu chiểu hoặc các thủ tục tương tự. Thuật ngữ “hình thức vật chất” ở đây được hiểu là bất kì hình thức thể hiện nào mà qua đó công chúng có thể thấy được sự tồn tại của tác phẩm. Cụ thể hoá nguyên tắc này, khoản 2 Điều 5 Công ước quy định: *“Việc hưởng và thực hiện các quyền lợi này không lệ thuộc vào một thể thức, thủ tục nào hết...”*. Qua nguyên tắc này, có thể thấy Công ước Berne chủ trương dành sự tôn trọng rất lớn cho các tác giả sáng tạo ra các tác phẩm văn học nghệ thuật. Các tác giả sau khi sáng tạo ra tác phẩm không cần trải qua bất kì thủ tục hành chính nào, kể cả việc công bố tác phẩm mà quyền tác giả của họ đối với tác phẩm vẫn được bảo hộ.

“Bảo hộ tự động” vừa là nguyên tắc cơ bản trong Công ước Berne, vừa là nguyên tắc đặc thù của bảo hộ quyền tác giả trong Liên minh Berne. Nó hoàn toàn không có và không thể áp dụng trong lĩnh vực bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) - lĩnh vực anh em của bảo hộ quyền tác giả. Nguyên do sự tồn tại của nguyên tắc này trong lĩnh vực quyền tác giả có lẽ là xuất phát từ tính duy nhất hay tính nguyên gốc của tác phẩm văn học và nghệ thuật. Khác với các đối tượng bảo hộ SHCN, các tác phẩm văn học, nghệ thuật chỉ có thể được

cảm thụ thông qua sự thể hiện tác phẩm mà không thể được đem ra áp dụng trong các tác phẩm văn học nghệ thuật sau đó. Hơn nữa, một tác phẩm văn học nghệ thuật thường gắn với cảm xúc của tác giả mà thường là không thể lặp lại một cách y hệt ở người khác. Do đó, tác phẩm văn học nghệ thuật có tính duy nhất và được bảo hộ ít nhất là suốt cuộc đời tác giả (các quyền nhân thân thậm chí được bảo hộ vô thời hạn). Người ta không thể giới hạn thời hạn bảo hộ quyền tác giả (đặc biệt là quyền nhân thân) như đối với quyền sáng chế hay kiểu dáng công nghiệp, bởi lẽ, làm như vậy cũng không thúc đẩy hơn sự phát triển kho tàng văn học, nghệ thuật của nhân loại như tác dụng của việc giới hạn thời hạn bảo hộ sáng chế hay kiểu dáng công nghiệp đối với sự phát triển khoa học công nghệ.

Và khi việc đặt ra thời hạn bảo hộ đối với quyền tác giả (đặc biệt là quyền nhân thân) là không cần thiết thì việc đặt ra các thủ tục hành chính làm điều kiện cho sự bảo hộ cũng là không cần thiết. Do đó, Công ước Berne đã đặt ra nguyên tắc “bảo hộ tự động” đối với quyền tác giả.

- *Nguyên tắc bảo hộ độc lập*

Nguyên tắc này quy định việc hưởng và thực thi các quyền theo Công ước là độc lập với những gì hiện được hưởng tại nước xuất xứ của tác phẩm. Nguyên tắc này cũng chi phối toàn bộ các lĩnh vực của quyền tác giả.

Công ước Berne là một điều ước quốc tế điển hình. Nó quy định các nghĩa vụ của quốc gia này với các quốc gia khác, theo đó các quốc gia cam kết các mức độ trách

nhiệm trong cư xử đối với công dân các quốc gia khác trong lĩnh vực quyền tác giả. Và như vậy, nó không ràng buộc các trách nhiệm buộc một quốc gia thành viên phải cư xử như thế nào với chính công dân của mình (ở đây là tác phẩm có nguồn gốc từ quốc gia mình).

Vì thế, nguyên tắc bảo hộ độc lập thể hiện ở chỗ một tác phẩm từ quốc gia gốc khác sẽ được bảo hộ ở các quốc gia thành viên khác theo hai cơ sở pháp lý: Công ước Berne và pháp luật nước sở tại quy định cho chính tác phẩm gốc của nước mình. Trong khi đó, tác phẩm gốc ở một nước thành viên không thể viện dẫn Công ước Berne để bảo hộ cho mình ở quốc gia gốc của mình. Chính vì thế, quy chế pháp lý bảo hộ quyền tác giả đối với một tác phẩm tại các nước thành viên khác của Berne sẽ độc lập với quy chế pháp lý bảo hộ quyền tác giả mà tác phẩm đó được hưởng tại chính quốc gia gốc. Vì thế khoản 2 Điều 5 Công ước quy định rõ: *“Việc hưởng và thực hiện này hoàn toàn độc lập không tùy thuộc vào việc tác phẩm có được bảo hộ hay không ở nước gốc của tác phẩm. Do đó, ngoài những quy định của Công ước này, mức độ bảo hộ cũng như các biện pháp khiếm nại đảm bảo cho tác giả để bảo hộ quyền lợi của mình sẽ hoàn toàn do quy định của luật pháp của nước nơi sự bảo hộ được áp dụng”*.

Ví dụ thể hiện rõ nhất nguyên tắc này là trường hợp có sự khác biệt về thời hạn bảo hộ theo Công ước, theo pháp luật quốc gia gốc và theo pháp luật nước thứ ba (nước sở

tại). Nếu một nước thành viên có quy định thời hạn bảo hộ dài hơn quy định tối thiểu nêu trong Công ước và tác phẩm chấm dứt được bảo hộ tại nước xuất xứ, sự bảo hộ có thể bị từ chối (tại nước có thời hạn bảo hộ dài hơn này) khi sự bảo hộ tại nước xuất xứ đã kết thúc.

Bên cạnh ba nguyên tắc cơ bản trên đây, Công ước Berne cũng đặt ra một số quy phạm nội dung quan trọng điều chỉnh việc bảo hộ quyền tác giả trong Liên minh như sau:

Về các tác phẩm được bảo hộ, Công ước Berne bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật, thuật ngữ “các tác phẩm văn học và nghệ thuật” bao gồm tất cả các sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật, được định hình dưới dạng vật chất nhất định mà không phân biệt nó được biểu hiện theo phương thức hay hình thức vật chất nào.

Về các quyền được bảo hộ, tùy thuộc vào các giới hạn, hạn chế và ngoại lệ cụ thể quy định trong Công ước, các nước thành viên phải công nhận và bảo hộ các quyền sau đây là các quyền độc quyền đối với các tác phẩm có nguồn gốc từ một nước trong Liên minh Berne:

- Các quyền tài sản, bao gồm:
  - + Quyền dịch thuật;
  - + Quyền thực hiện phóng tác và chuyển thể tác phẩm;
  - + Quyền trình diễn công cộng tác phẩm kịch, nhạc kịch và âm nhạc;
  - + Quyền trần thuật công cộng tác phẩm văn học;
  - + Quyền truyền thông công cộng trình

diễn các tác phẩm;

+ Quyền phát sóng (với khả năng là quốc gia thành viên chỉ quy định quyền trả thù lao phù hợp thay vì quyền cho phép);

+ Quyền làm bản sao bằng bất kì cách thức hoặc hình thức nào (với khả năng là các quốc gia thành viên quy định, trong các trường hợp đặc biệt cụ thể, cho phép làm bản sao mà không có sự cho phép với điều kiện là việc làm bản sao đó không ảnh hưởng tới sự khai thác bình thường tác phẩm và không gây phương hại bất hợp lí đến các lợi ích hợp pháp của tác giả, với khả năng là quốc gia thành viên quy định, đối với các bản ghi âm tác phẩm âm nhạc, quyền nhận thù lao thoả đáng);

+ Quyền cho sử dụng tác phẩm làm nền của tác phẩm nghe nhìn và quyền làm bản sao, phân phối và trình diễn công cộng hoặc truyền tới công chúng tác phẩm nghe nhìn đó;

+ Quyền "Droit de suite" đối với tác phẩm mỹ thuật và bản gốc;

- Các quyền tinh thần: Quyền đứng tên tác giả của tác phẩm và quyền phản đối bất kì sự cắt xén, bóp méo hoặc sửa đổi tác phẩm hoặc các hành vi xúc phạm khác liên quan đến tác phẩm mà có thể phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Về thời hạn bảo hộ, khoản 1 Điều 7 Công ước quy định các quyền vật chất được bảo hộ suốt cuộc đời của tác giả và 50 năm sau khi tác giả chết. Còn các quyền tinh thần thì được bảo hộ vĩnh viễn. Khoản 6 Điều 7 Công ước quy định: "*Các nước thành viên có quyền quy định một thời hạn bảo hộ dài hơn thời hạn*

*quy định ở trên*". Như vậy thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 7 trên chỉ là thời hạn tối thiểu, nếu luật trong nước của nước thành viên quy định thời hạn dài hơn 50 năm thì có thể áp dụng luật của nước thành viên.

Đối với các tác phẩm điện ảnh (quy định tại khoản 2 Điều 7), các quốc gia thành viên liên minh có thể quy định thời hạn bảo hộ chấm dứt 50 năm sau khi tác phẩm được phổ cập đến quần chúng với sự đồng ý của tác giả hoặc không có sự phổ cập trong vòng 50 năm tính từ ngày thực hiện tác phẩm thì thời hạn bảo hộ chấm dứt 50 năm sau khi tác phẩm được thực hiện.

Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh (khoản 4 Điều 7), thời hạn bảo hộ tối thiểu sẽ là 25 năm kể từ khi tác phẩm được thực hiện.

Ngoài ra, Công ước Berne còn quy định một số những nội dung khác mà trong phạm vi bài viết này không thể trình bày chi tiết được. Chẳng hạn, các quy định mang tính chất ưu đãi đối với các nước đang phát triển nhằm khuyến khích các nước này thấy được ích lợi của Công ước này mà tham gia v.v. Tuy nhiên, chỉ cần qua những nguyên tắc và một số quy phạm quan trọng nhất phân tích trên đây cũng có thể thấy vai trò nổi bật của Công ước Berne trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả quốc tế. Công ước Berne thực sự xứng với đánh giá của WIPO, coi Công ước là công cụ quan trọng nhất trong lĩnh vực này. Vừa qua Việt Nam đã gia nhập Công ước Berne, đây là bước đi đúng đắn trên con đường hội nhập quốc tế và phù hợp với xu thế chung của thời đại./.

diễn các tác phẩm;

+ Quyền phát sóng (với khả năng là quốc gia thành viên chỉ quy định quyền trả thù lao phù hợp thay vì quyền cho phép);

+ Quyền làm bản sao bằng bất kì cách thức hoặc hình thức nào (với khả năng là các quốc gia thành viên quy định, trong các trường hợp đặc biệt cụ thể, cho phép làm bản sao mà không có sự cho phép với điều kiện là việc làm bản sao đó không ảnh hưởng tới sự khai thác bình thường tác phẩm và không gây phương hại bất hợp lí đến các lợi ích hợp pháp của tác giả, với khả năng là quốc gia thành viên quy định, đối với các bản ghi âm tác phẩm âm nhạc, quyền nhận thù lao thoả đáng);

+ Quyền cho sử dụng tác phẩm làm nền của tác phẩm nghe nhìn và quyền làm bản sao, phân phối và trình diễn công cộng hoặc truyền tới công chúng tác phẩm nghe nhìn đó;

+ Quyền "Droit de suite" đối với tác phẩm mỹ thuật và bản gốc;

- Các quyền tinh thần: Quyền đứng tên tác giả của tác phẩm và quyền phản đối bất kì sự cắt xén, bóp méo hoặc sửa đổi tác phẩm hoặc các hành vi xúc phạm khác liên quan đến tác phẩm mà có thể phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Về thời hạn bảo hộ, khoản 1 Điều 7 Công ước quy định các quyền vật chất được bảo hộ suốt cuộc đời của tác giả và 50 năm sau khi tác giả chết. Còn các quyền tinh thần thì được bảo hộ vĩnh viễn. Khoản 6 Điều 7 Công ước quy định: "*Các nước thành viên có quyền quy định một thời hạn bảo hộ dài hơn thời hạn*

*quy định ở trên*". Như vậy thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 7 trên chỉ là thời hạn tối thiểu, nếu luật trong nước của nước thành viên quy định thời hạn dài hơn 50 năm thì có thể áp dụng luật của nước thành viên.

Đối với các tác phẩm điện ảnh (quy định tại khoản 2 Điều 7), các quốc gia thành viên liên minh có thể quy định thời hạn bảo hộ chấm dứt 50 năm sau khi tác phẩm được phổ cập đến quần chúng với sự đồng ý của tác giả hoặc không có sự phổ cập trong vòng 50 năm tính từ ngày thực hiện tác phẩm thì thời hạn bảo hộ chấm dứt 50 năm sau khi tác phẩm được thực hiện.

Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh (khoản 4 Điều 7), thời hạn bảo hộ tối thiểu sẽ là 25 năm kể từ khi tác phẩm được thực hiện.

Ngoài ra, Công ước Berne còn quy định một số những nội dung khác mà trong phạm vi bài viết này không thể trình bày chi tiết được. Chẳng hạn, các quy định mang tính chất ưu đãi đối với các nước đang phát triển nhằm khuyến khích các nước này thấy được ích lợi của Công ước này mà tham gia v.v. Tuy nhiên, chỉ cần qua những nguyên tắc và một số quy phạm quan trọng nhất phân tích trên đây cũng có thể thấy vai trò nổi bật của Công ước Berne trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả quốc tế. Công ước Berne thực sự xứng với đánh giá của WIPO, coi Công ước là công cụ quan trọng nhất trong lĩnh vực này. Vừa qua Việt Nam đã gia nhập Công ước Berne, đây là bước đi đúng đắn trên con đường hội nhập quốc tế và phù hợp với xu thế chung của thời đại./.